| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 10 - TÂY NINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 15/2026/HNGĐ-ST
Ngày 15-01-2026
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - TÂY NINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Bà Lê Phan Tuyến.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lâm Văn Be;

2. Ông Nguyễn Tiến Dũng.

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Vương Lệ Hằng, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Mỹ Phượng, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 699/2025/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 153/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/12/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 77/2025/QĐST-HNGĐ ngày 30/12/2025; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hồng Ngọc H, sinh năm: 1980; căn cước công dân: 072180008515 cấp ngày 27/12/2021; địa chỉ: Số A, tổ A, khu phố L, phường H, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Hồng C, sinh năm: 1977; số CMND: 290589976 do Công an tỉnh T cấp ngày 15/8/1999; địa chỉ: Số A, tổ A, khu phố L, phường H, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Theo đơn khởi kiện ngày 03-9-2025, bản tự khai và các lời khai tại Tòa án của nguyên đơn chị Hồng Ngọc H trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Hồng C chung sống từ năm 2001, có đăng ký kết hôn ngày 25-3-2002 tại Ủy ban nhân dân phường L, huyện H, tỉnh Tây Ninh (nay là phường H, tỉnh Tây Ninh); quá trình chung sống thời gian đầu sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, anh C có thái độ gia trưởng thiếu trách nhiệm trong quan hệ hôn nhân để mặc chị gánh vác kinh tế gia đình mâu thuẫn vợ chồng kéo dài ảnh hưởng đến tâm lý, nhận thức của các con nên chị đã ly thân từ năm 2022 đến nay. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống với nhau được nữa nên xin ly hôn với anh Nguyễn Hồng C.

Về con chung: Có 03 cháu tên Nguyễn Hồng Anh T, sinh năm 2002, Nguyễn Hồng Duy T1, sinh năm 2002 và Nguyễn Ngọc Như Ý, sinh ngày 08/5/2019; hiện cháu T và cháu T1 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết; cháu Ý đang sống với chị, yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Ý, không yêu cầu anh C cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*- Bị đơn anh Nguyễn Hồng C đã được Tòa án tống đạt đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định nhưng vẫn không trình bày ý kiến và không đến Tòa án nên không ghi được ý kiến trình bày. Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.*

- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực - Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định tư cách pháp lý người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, tư cách pháp lý và thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự sơ thẩm; người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 51; 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hồng Ngọc H đối với anh Nguyễn Hồng C.

Về con chung: Cháu Nguyễn Hồng Anh T, sinh ngày 04/3/2002; Nguyễn Hồng Duy T1, sinh ngày 04/3/2002 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không giải quyết; giao cháu Nguyễn Ngọc Như Ý, sinh ngày 08/5/2019 cho chị H

trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ghi nhận chị H không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh C tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị H chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:*

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Hồng Ngọc H có đơn xin vắng mặt; bị đơn anh Nguyễn Hồng C vắng mặt, Tòa án đã tiến hành đúng và đầy đủ thủ tục để bảo đảm cho việc xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Hồng Ngọc H: Theo chị H khai chị và anh Nguyễn Hồng C chung sống từ năm 2001, có đăng ký kết hôn ngày 25-3-2002 tại Ủy ban nhân dân phường L, huyện H, tỉnh Tây Ninh (nay là phường H, tỉnh Tây Ninh). Do đó xác định đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ; quá trình chung sống thời gian đầu sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, anh C có thái độ gia trưởng thiếu trách nhiệm trong quan hệ hôn nhân để mặc chị gánh vác kinh tế gia đình và quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài, mâu thuẫn vợ chồng kéo dài ảnh hưởng đến tâm lý, nhận thức của các con nên chị đã ly thân từ năm 2022 đến nay. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống với nhau được nữa nên xin ly hôn với anh Nguyễn Hồng C. Xét thấy quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý, giấy triệu tập hòa giải và quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh C theo quy định của pháp luật, nhưng anh C vẫn vắng mặt không có lý do, không trình bày ý kiến, thể hiện cho thấy anh C không có biểu hiện, động thái tích cực nào để cùng nhau giải quyết mâu thuẫn vợ chồng, thuyết phục chị H hàn gắn đoàn tụ mối quan hệ vợ chồng lại với nhau; chị H kiên quyết xin ly hôn cho rằng chị và anh C đã không còn tình cảm vợ chồng, không thể chung sống với nhau được nữa, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hồng Ngọc H đối với anh Nguyễn Hồng C.

[3] Về con chung: Có 03 cháu tên Nguyễn Hồng Anh T, sinh năm 2002, Nguyễn Hồng Duy T1, sinh năm 2002 và Nguyễn Ngọc Như Ý, sinh ngày 08/5/2019; cháu T và cháu T1 đã trưởng thành chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết; cháu Ý hiện đang sống với chị H, chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Ý, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nên giao cho chị H nuôi là phù hợp Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H khai là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10, tỉnh Tây Ninh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình, được khấu trừ 300.000 đồng từ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0009652 ngày 27-10-2025 của Thi hành án Dân sự tỉnh Tây Ninh.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hồng Ngọc H đối với anh Nguyễn Hồng C; chị Hồng Ngọc H được ly hôn với anh Nguyễn Hồng C.

2. Về con chung: Cháu Nguyễn Hồng Anh T và Nguyễn Hồng Duy T1 đã trưởng thành; giao cho chị H nuôi cháu Nguyễn Ngọc Như Ý, sinh ngày 08/5/2019; anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Ghi nhận chị H không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

3. Tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

4. Án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình, được khấu trừ 300.000 đồng từ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0009652 ngày 27-10-2025 của Thi hành án Dân sự tỉnh Tây Ninh.

5. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án các bên được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật. Riêng đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại UBND xã (phường) nơi cư trú.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 của Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án Dân sự./.

***Nơi nhận:***
- PGĐKT TA tỉnh TN;
- VKSND KV10-TN;
- THADS KV10-TN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***(Đã ký)***

**Lê Phan Tuyến**